TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 29/3/2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ - TỈNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan A.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn T

Bà Nguyễn Thị T

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố .

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXX - ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 và QĐ hoãn phiên tòa số 34/QĐ - HPT ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy L - Sinh năm 1996

Bị đơn: Anh Lê A - Sinh năm 1996

Nơi ĐKNKTT tại: SN 17/118 phố P, phường T, thành phố , tỉnh .

Cùng nơi cư trú: Phòng 1403 CT2 Chung cư X, phường Đ, thành phố , tỉnh .

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L trình bày:

Chị và anh Lê A kết hôn với nhau năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố . Sau khi cưới xong vợ chồng chung sống tại SN 17/118 phố P, phường T, thành phố . Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 04 năm, thì đến đầu năm 2022

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh A chơi bời dẫn đến nợ nần. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo rất nhiều nhưng anh A vẫn chứng nào tật đó và chị đã phải chuyển đi nơi khác sinh sống.

Nay chị Lê Thị Thùy L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Lê A không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc, nên chị đề nghị Toà án nhân dân thành phố T giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Chị L và anh A có 01 con chung là cháu Lê Minh K sinh ngày 07/01/2019. Ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu và không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai của bị đơn anh Lê A trình bày:***

Anh và chị Lê Thị Thùy L kết hôn với nhau vào năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố . Sau khi cưới xong vợ chồng chung sống tại SN 17/118 phố P, phường T, thành phố . Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chơi bời dẫn đến nợ nần, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi, hiện nay anh vẫn đang còn nợ và cắm xe chưa giải quyết được nên chị L bức xúc, nên vợ chồng lại xảy ra xung đột, cãi nhau rồi chị L đã xin phép bố mẹ anh ra ngoài ở riêng từ cuối tháng 11/2022 đến nay. Nay anh xét thấy việc làm của anh là sai, ảnh hưởng đến hạnh phúc của gia đình, anh có nguyện vọng xin lỗi chị L và gia đình chị L để anh tìm giải pháp thanh toán nợ nần và chuộc xe về cho bố mẹ chị L và mong muốn chị L tha thứ để vợ chồng quay trở về đoàn tụ, nuôi dạy con cái và chung sống với nhau. Còn nếu chị L không tha thứ thì quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh A có 01 con chung là cháu Lê Minh K sinh ngày 07/01/2019. Hiện nay cháu K đang ở với chị L, vì anh không muốn ly hôn nên anh không đề xuất gì. Còn nếu phải ly hôn thì anh cũng đồng ý giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu đang còn nhỏ, chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng anh cũng đồng ý.

Về tài sản và công nợ chung: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử,

việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án xử cho chị Lê Thị Thùy L được ly hôn anh Lê A.Về con cái: Công nhận cháu Lê Minh K sinh ngày 07/01/2019 là con chung của chị L và anh A và chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung: Chị L và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thùy L có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là anh Lê A. Do đó đây là vụ án ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố , tỉnh thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn là anh Lê A được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh A là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]***Về hôn nhân***: Chị Lê Thị Thùy L và anh Lê A kết hôn với nhau năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đều thừa nhận luôn bất đồng về quan điểm và cách sống, anh A lại không chịu làm ăn chơi bời nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình và từ cuối tháng 11 năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A. Anh A cũng thừa nhận vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẩn là lỗi tại anh vi anh chơi bời dẫn đến nợ nần, mâu thuẩn vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh vẫn không thay đổi được, nhưng vì thương con anh không đồng ý ly hôn, còn nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng: Mâu thuẩn của chị L và anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng cũng không còn và đã sống ly thân, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc, nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ xử cho chị Lê Thị Thùy L được ly hôn anh Lê A.

[3] ***Về con chung*:** Chị L và anh A có 01 con chung là cháu Lê Minh K sinh ngày 07/01/2019. Ly hôn chị L tha thiết xin được nuôi cháu Lê Minh K vì hiện nay cháu đang ở với chị và cháu đang còn nhỏ, cần sự chám sóc của chị và chị

không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con, còn anh Quang không muốn ly hôn nên không có nguyện vọng và đề nghị gì. Còn nếu phải ly hôn anh cũng đồng ý giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh cũng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Xét việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu và hiện tại cháu K còn nhỏ cũng đang ở với mẹ, chị L vẫn đảm bảo tốt việc chăm sóc giáo dục, học hành của cháu, hon nữa anh A cũng đồng ý giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L cũng như chấp nhận sự tự nguyện của anh A giao cháu Lê Minh K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị L nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, vì chị cũng chứng minh được thu nhập. Việc chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật HNGĐ cần được chấp nhận.

[4] ***Về tài sản và công nợ chung:*** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] ***Về án phí:*** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử: Cho chị Lê Thị Thùy L được ly hôn anh Lê A.

Về con chung: Công nhận cháu Lê Minh K sinh ngày 07/01/2019 là con chung của chị L và anh A. Giao cháu Lê Minh K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản và công nợ chung: Chị L và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Thùy L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002686 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố (chị L đã nộp đủ án phí DSST).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7B và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND phường T, TPTH;
- Lưu hồ sơ .

Nguyễn Thị Lan A